

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thúy Toàn

Ông Trịnh Đình Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 10-3-2026 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-5-2026, và Thông báo mở lại phiên tòa số: 20/TB-TA ngày 22/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Minh N, sinh năm 1988, số căn cước công dân: 015188001061, ngày cấp: 03/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bị đơn: Anh Nông Đình Á, sinh năm 1988, số căn cước: 015088000550, ngày cấp: 01/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Cùng nơi đăng ký thường trú: Thôn E, xã L, tỉnh Lào Cai

Cùng nơi ở: Thôn A, xã L, tỉnh Lào Cai

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Minh N trình bày:*

Chị và anh Nông Đình Á tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2016 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã P, tỉnh Lào Cai). Anh chị

chung sống hoà thuận đến năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, anh Á không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp kinh tế cùng chị để phát triển kinh tế và nuôi dạy, chăm sóc con, bất đồng trong cách nuôi dạy con nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh Á nhiều lần chửi, xúc phạm và đánh chị. Chị và anh Á đã nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh Á đã sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết.

Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Đình Á.

2. Về con chung: Chị và anh Á có 01 con là Nông Quốc V, sinh ngày 25/05/2017. Sau khi ly thân cháu V đang ở với chị tại thôn A, xã L, tỉnh Lào Cai, cháu được chị chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập đảm bảo ổn định. Anh Á đi làm ăn, nơi ở không cố định. Do đó chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 23/3/2026 chị yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu V trưởng thành, sau đó quá trình giải quyết vụ án chị N thay đổi ý kiến, chị không yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Nông Đình Á nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã L, tỉnh Lào Cai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai đã thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cho chị Lương Thị Minh N được ly hôn anh Nông Đình Á. Về nuôi con: Giao cho chị Lương Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Quốc V, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Nông Đình Á không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Nông Đình Á có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Á vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Minh N và anh Nông Đình Á kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị N thì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Á có nhiều mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải, khắc phục nhưng không cải thiện được nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết và chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, thể hiện anh Á không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Á đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Minh N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị và anh Á có 01 con là Nông Quốc V, sinh ngày 25-5-2017, sau khi ly thân cháu V ở với chị N, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đảm bảo ổn định nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu V và chị không yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với cuộc sống hiện tại của cháu V đang ở với mẹ. Anh Á không có ý kiến về việc nuôi con, cháu V trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, không sáo trộn sinh hoạt và học tập của cháu V, cần giao cháu Nông Quốc V cho chị Lương Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Á không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Minh N được ly hôn với anh Nông Đình Á.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Lương Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Quốc V, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Nông Đình Á không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000803 ngày 10-3-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- Phòng THADS KV2- Lào Cai;
- UBND xã Lục Yên;
- (CNKH số 26/2016 Trúc Lâm)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thu Hương

